

GIẤY MỜI

Trân trọng kính mời các đồng chí dự Hội nghị Ban Thường vụ Huyện ủy lần thứ 19 (khóa IV), nhiệm kỳ 2020 - 2025; nội dung, thành phần, thời gian và địa điểm cụ thể như sau:

I. Nội dung

1.1. Thảo luận và cho ý kiến vào các dự thảo:

- Chương trình hành động của Huyện ủy về thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU, ngày 12/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XI) về “Phát triển huyện Đam Rông giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045” (Văn phòng Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện).

- Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU, ngày 14/12/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030” (Văn phòng Huyện ủy).

- Báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW, ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng” gắn với tổng kết Chỉ thị số 30-CT/TU, ngày 26/3/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và đánh giá kết quả thực hiện Đề án của UBND tỉnh về ngăn chặn tình trạng phá rừng, lấn chiếm đất lâm nghiệp, phục hồi và phát triển rừng bền vững (Ủy ban nhân dân huyện).

1.2. Bàn về công tác cán bộ và phát triển đảng viên định kỳ (Ban Tổ chức Huyện ủy).

II. Thành phần, kính mời

Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy.

* Thành phần mở rộng

- Đồng chí Trương Văn Sáng - Huyện ủy viên, Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Huyện ủy,

- Lãnh đạo Văn phòng Huyện ủy.

III. Thời gian và địa điểm

- Thời gian: *Bắt đầu lúc 08 giờ 00', ngày 19 tháng 01 năm 2022.*

- Địa điểm: *Phòng họp Ban Chấp hành Đảng bộ huyện.*

Đề nghị các đồng chí sắp xếp công việc tham dự Hội nghị đúng thành phần, thời gian và đảm bảo công tác phòng, chống dịch Covid-19 theo quy định.

Nơi nhận:

- Như thành phần,
- Lưu Văn phòng Huyện uỷ.

**T/L BAN THƯỜNG VỤ
CHÁNH VĂN PHÒNG**



Phan Thị Cẩm

*
Số -BC/HU

DỰ THẢO

BÁO CÁO

Sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị 13-CT/TW, ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng gắn với tổng kết Chỉ thị số 30-CT/TU, ngày 26/3/2015 của Ban thường vụ Tỉnh ủy “Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng”

Thực hiện Chương trình công tác của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy năm 2022. Ban Thường vụ Huyện ủy Đam Rông báo cáo kết quả 05 năm triển khai thực hiện nội dung Chỉ thị 13-CT/TW, ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng” gắn với tổng kết Chỉ thị 30-CT/TU, ngày 26/3/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và đánh giá kết quả thực hiện Đề án của UBND tỉnh, cụ thể như sau:

I. Thực trạng công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trước khi Chỉ thị 13-CT/TW, ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Chỉ thị 30-CT/TU, ngày 26/3/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành

- Huyện Đam Rông có tổng diện tích đất tự nhiên là 85.800,1 ha, trong đó: diện tích đất lâm nghiệp là 65.296 ha, chiếm tỷ lệ 76,1% (Diện tích đất lâm nghiệp có rừng là 54.965,3 ha⁽¹⁾, diện tích đất lâm nghiệp không có rừng là 10.330,7 ha); tỷ lệ độ che phủ rừng 64,1%.

- Công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn huyện luôn được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, quyết liệt của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy, UBND huyện và sự vào cuộc đồng bộ của cả hệ thống chính trị nên công tác quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng đạt được những kết quả nhất định. Chỉ đạo UBND huyện thành lập Ban chỉ đạo kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng huyện Đam Rông (nay là Ban chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016 - 2020 huyện Đam Rông) để chỉ đạo thực hiện công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng nên cơ bản đã ngăn chặn kịp thời các điểm nóng về phá rừng, khai thác, vận chuyển lâm sản trái phép. Nhận thức về công tác bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng của người dân ngày càng nâng cao, góp phần tích cực trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

¹ diện tích quy hoạch 3 loại rừng là 50.982,6 ha (gồm: rừng đặc dụng 1.022,8 ha, rừng phòng hộ 23.172,1 ha, rừng sản xuất 26.787,7 ha); diện tích ngoài 3 loại rừng là 3.982,7 ha.

Tuy nhiên, tình hình vi phạm Luật Lâm nghiệp; hành vi phá rừng trái pháp luật và chống người thi hành công vụ vẫn còn diễn biến phức tạp, gây bức xúc trong xã hội; diện tích rừng đã giao các doanh nghiệp ngoài nhà nước thuê đất, thuê rừng để triển khai dự án đầu tư trồng rừng, trồng cao su... chưa được quản lý, bảo vệ chặt chẽ, tiến độ thực hiện dự án còn chậm; bên cạnh đó, đời sống của đại bộ phận người sống gần rừng còn nhiều khó khăn, tác động tiêu cực đến công tác quản lý bảo vệ rừng tại địa phương.

II. Công tác quán triệt, triển khai thực hiện Chỉ thị

1. Công tác chỉ đạo điều hành

- Xác định công tác quản lý bảo vệ, phát triển rừng là một trong những nhiệm vụ trọng tâm và xuyên suốt. Ngay sau khi Chỉ thị 30-CT/TU, ngày 26/3/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Chỉ thị 13-CT/TW, ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Kế hoạch số 6823/KH-UBND, ngày 11/10/2017 *“Về thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ về thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW, ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng”* được ban hành; Huyện ủy Đam Rông đã ban hành Nghị Quyết số 16-NQ/HU, ngày 16/4/2015 *“về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, quản lý lâm sản”*; Ban Thường vụ Huyện ủy Đam Rông ban hành Kế hoạch số 40-KH/HU, ngày 26/4/2017 *“Kế hoạch thực hiện Chỉ thị 13-CT/TW, ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng”* để triển khai thực hiện.

Đồng thời, chỉ đạo các cấp ủy, chính quyền, các ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mình xây dựng chương trình hành động triển khai thực hiện. Tổ chức quán triệt, phổ biến, tuyên truyền sâu rộng đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân nắm bắt và nghiêm túc thực hiện.

Chỉ đạo UBND huyện xây dựng Kế hoạch số 61/KH-UBND ngày 09/6/2015, kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Nghị Quyết số 16-NQ/HU, ngày 16/4/2015 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, quản lý lâm sản. Chỉ đạo các đơn vị chủ rừng, UBND các xã và đơn vị liên quan nâng cao tinh thần trách nhiệm trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

- Chỉ đạo kiện toàn Ban chỉ đạo công tác quản lý, bảo vệ rừng, tài nguyên, môi trường và khoáng sản huyện; phân công nhiệm vụ cụ thể. Hàng quý, năm, Thường trực Huyện ủy đều tổ chức họp giao ban Ban Chỉ đạo công tác quản lý bảo vệ rừng, tài nguyên khoáng sản. Sau các kỳ họp đều ban hành kết luận chỉ đạo triển khai thực hiện nhiệm vụ cụ thể của từng ngành, cơ quan, đơn vị.

- Chỉ đạo UBND huyện thành lập Ban chỉ đạo Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng huyện Đam Rông (*nay là Ban chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững huyện Đam Rông*) để chỉ đạo thực hiện công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng nên cơ bản đã ngăn chặn kịp thời các điểm nóng về phá rừng, khai thác, vận chuyển lâm sản trái phép. Nhận thức về công tác quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng của người dân ngày càng nâng cao, góp phần tích cực trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

Ngoài ra, từ năm 2017 - 2021, Ban Thường vụ Huyện ủy đã chỉ đạo UBND huyện ban hành hơn 245 văn bản chỉ đạo trong công tác quản lý bảo vệ rừng.

(Kèm theo biểu tổng hợp số 01)

2. Công tác tuyên truyền

- Cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể các cấp, các cơ quan liên quan thường xuyên tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về Luật Lâm nghiệp, Luật phòng cháy chữa cháy rừng...; đổi mới nội dung, đa dạng về hình thức, phù hợp với từng đối tượng tại các địa bàn xã, thôn, nhằm nâng cao nhận thức của người dân, đặc biệt là các hộ đồng bào dân tộc thiểu số, những hộ sống trong rừng, gần rừng hiểu và chấp hành các quy định của pháp luật về công tác quản lý bảo vệ, phòng cháy, chữa cháy rừng.

- Để nâng cao hiệu quả công tác quản lý, bảo vệ phát triển rừng trên địa bàn; từ năm 2017 - 2021, các đơn vị chủ rừng, UBND các xã và đơn vị liên quan đã tổ chức hơn 256 hội nghị tuyên truyền các quy định trong công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng, phòng cháy chữa cháy rừng với hơn 9.624 lượt người tham dự. Đồng thời, chỉ đạo các cơ quan liên quan tuyên truyền, vận động và ký 1.900 bản cam kết với các hộ dân canh tác nương rẫy trong và ven rừng; tổ chức cấp phát 8.500 tờ rơi tuyên truyền các quy định của Luật Lâm nghiệp đến đảng viên, cán bộ xã, các hộ nhận giao khoán bảo vệ rừng và các hộ dân có đất sản xuất, sinh sống gần rừng, ven rừng.

3. Kết quả thực hiện

3.1. Tình hình vi phạm Luật Lâm nghiệp

Từ năm 2017 - 2021, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện đã kiểm tra, phát hiện và xử lý 508 vụ vi phạm các quy định của pháp luật trong công tác quản lý, bảo vệ rừng⁽²⁾, cụ thể:

3.1.1. Chia theo các hành vi vi phạm

- Phá rừng trái pháp luật: 141 vụ; diện tích thiệt hại 59,63 ha, khối lượng lâm sản thiệt hại 1.734,4 m³.

⁽²⁾ 61 vụ hình sự, 447 vụ hành chính

- Khai thác rừng trái phép: 162 vụ, khối lượng lâm sản thiệt hại 1.002 m³.
- Vận chuyển lâm sản trái pháp luật: 72 vụ, khối lượng lâm sản thiệt hại 67,8 m³.
- Mua bán (tàng trữ), cất giữ lâm sản trái với các quy định của Nhà nước: 120 vụ, khối lượng lâm sản thiệt hại 149,7 m³.
- Vi phạm các quy định của Nhà nước về phòng cháy, chữa cháy rừng gây cháy rừng: 09 vụ, diện tích rừng bị thiệt hại 25,6 ha.
- Vi phạm các quy định của Nhà nước về BVR: 02 vụ.

3.1.2. Số vụ vi phạm chia theo từng năm

- + Năm 2017: 103 vụ vi phạm, trong đó: 93 vụ hành chính, 10 vụ hình sự;
- + Năm 2018: 76 vụ vi phạm, trong đó: 69 vụ hành chính, 07 vụ hình sự;
- + Năm 2019: 124 vụ vi phạm, trong đó: 107 vụ hành chính, 17 vụ hình sự.
- + Năm 2020: 134 vụ vi phạm, trong đó: 121 vụ hành chính, 13 vụ hình sự;
- + Năm 2021: 72 vụ vi phạm, trong đó: 58 vụ hành chính, 14 vụ hình sự.

3.2. Kết quả xử lý vi phạm

- Từ năm 2017 - 2021, tổng số vụ vi phạm luật lâm nghiệp đã được xử lý 508 vụ vi phạm⁽³⁾; trong đó: xử lý hình sự 61 vụ; xử lý hành chính 447 vụ; thu nộp ngân sách: 3.251,8 triệu đồng (*tiền bán tang vật, phương tiện tịch thu là: 2.834,9 triệu đồng; tiền thu phạt 416,8 triệu đồng*).

- UBND huyện chỉ đạo thành lập đoàn kiểm tra tình hình quản lý và sử dụng đất giao khoán theo Nghị định 135/2005/NĐ-CP đối với Ban QLRRPH Phi Liêng (*Quyết định số 985/QĐ-UBND ngày 24/8/2017*); kiểm tra thường xuyên, đột xuất những khu vực trọng điểm, nổi cộm về phá rừng, khai thác rừng,... thuộc lâm phần của các đơn vị chủ rừng quản lý. Qua đó, phát hiện và xử lý kỷ luật 25 công chức, viên chức, (*trong đó: 06 công chức, 19 viên chức*); chỉ đạo các cơ quan chức năng, cấp ủy, chính quyền địa phương xử lý kịp thời, nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý bảo vệ rừng trên địa bàn.

(*Kèm theo biểu tổng hợp số 02, 03, 04*)

4. Công tác phát triển rừng

4.1. Công tác trồng rừng

Qua 5 năm triển khai thực hiện Chỉ thị, đến nay trên địa bàn huyện đã trồng được 637 ha rừng, trong đó: trồng rừng thay thế 180,3 ha; trồng rừng sau giải tỏa 114 ha; trồng rừng 30a 23,6 ha; trồng rừng 135: 24,2 ha; trồng trên đất trống 43,8 ha; trồng rừng của chủ rừng ngoài nhà nước 289,9 ha.

⁽³⁾ Trong đó: 189 vụ xác định đối tượng vi phạm, 318 vụ không xác định đối tượng vi phạm.

4.2. Công tác trồng khôi phục rừng, trồng cây phân tán theo Đề án 1836

- Công tác trồng cây phân tán: Đến ngày 31/12/2021, toàn huyện đã trồng được 22.235 cây phân tán.

- Tình hình thực hiện Đề án 1836: Năm 2021, năm đầu tiên thực hiện Đề án 1836 và kế hoạch trồng 4,4 triệu cây xanh trên địa bàn huyện. Do vậy, ngay từ những ngày đầu, tháng đầu năm 2021, Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy, Thường trực Huyện ủy đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo Ủy ban nhân dân huyện, các đơn vị liên quan nâng cao tinh thần trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ với quyết tâm chính trị cao, nhằm hoàn thành mục tiêu, kế hoạch đề ra. Đến nay, tổng số cây xanh trồng trên toàn huyện là 456.915 cây/335.000 cây, đạt 136% kế hoạch. Trong đó: trồng trên đất lâm nghiệp (*trồng rừng tập trung, trồng khôi phục rừng*) 200.849 cây, trồng trên đất nông nghiệp đang sản xuất cà phê là 227.925 cây, trồng tại các công trình công cộng, công sở... 28.141 cây.

(Kèm theo biểu tổng hợp số 05)

5. Công tác giải toả đất lâm nghiệp bị lấn chiếm, tái lấn chiếm

Từ năm 2017 - 2021, các đơn vị chủ rừng đã tổ chức giải toả hơn 277,5 ha đất lâm nghiệp bị lấn chiếm, tái lấn chiếm trái pháp luật, cụ thể:

- Năm 2017: giải toả 62,5 ha.
- Năm 2018: giải toả 72,5 ha.
- Năm 2019: giải toả 48,8 ha.
- Năm 2020: giải toả 20,6 ha.
- Năm 2021: giải toả 73,1 ha.

Sau khi giải toả đã bàn giao lại cho đơn vị chủ rừng để đưa vào kế hoạch trồng rừng sau giải toả, hoặc quản lý bảo vệ để rừng tái sinh tự nhiên.

III. Đánh giá chung kết quả thực hiện Chỉ thị 13-CT/TW và Chỉ thị 30-CT/TU

1. Kết quả đạt được

- Chỉ thị 30-CT/TU, ngày 26/3/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Chỉ thị số 13-CT/TW, ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng là một chủ trương lớn và đúng đắn. Việc chỉ đạo triển khai thực hiện các nội dung của Chỉ thị là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của huyện trong thời gian qua.

- Trước khi có Chỉ thị 30-CT/TU, ngày 26/3/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Chỉ thị 13-CT/TW, ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng được ban hành, diện tích có rừng tính độ che phủ của huyện Đam Rông là 54.965,3 ha; tỷ lệ độ che phủ rừng là 64,1 %. Sau 5 năm triển khai thực hiện Chỉ thị; cùng với

sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của Tỉnh ủy, UBND tỉnh; sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Huyện ủy; Ban Thường vụ Huyện ủy, UBND huyện, sự nỗ lực, cố gắng cả hệ thống chính trị trong thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. Đến nay, diện tích có rừng tính độ che phủ của huyện Đam Rông là 56.415,01 ha (*tăng 1.586,22 ha*), độ che phủ rừng là 64,98 %, tăng 0,3 % so với năm 2016; công tác quy hoạch 3 loại rừng, quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn huyện ngày càng hiệu quả hơn. Tỷ lệ số vụ vi phạm các quy định trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng được xử lý nghiêm năm sau cao hơn năm trước; số vụ vi phạm bị xử lý vắng chủ giảm.

- Công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn huyện nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, kịp thời của Tỉnh ủy, UBND tỉnh; Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy đã chủ động, bám sát yêu cầu chỉ đạo để xây dựng kế hoạch phát triển KT - XH tại địa phương gắn với thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững; chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, UBND các xã nghiêm túc triển khai thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ và phát triển rừng theo yêu cầu chỉ đạo.

- Việc triển khai thực hiện Chỉ thị 30-CT/TU và Chỉ thị số 13-CT/TW đã góp phần nâng cao tinh thần trách nhiệm của người đứng đầu từ cấp huyện đến cơ sở đều được nâng cao, ý thức trách nhiệm của người dân trong công tác QLBV, phát triển rừng.

- Trong quá trình triển khai thực hiện nội dung Chỉ thị; các cơ quan liên quan đã có nhiều cố gắng nỗ lực, luôn chủ động phối hợp với các cơ quan đoàn thể tuyên truyền, vận động nhân dân, tham gia bảo vệ rừng; thường xuyên kiểm tra, ngăn chặn và xử lý kịp thời các vụ vi phạm trong công tác quản lý, bảo vệ rừng.

- Công tác phát triển rừng, trồng cây xanh tiếp tục được quan tâm thực hiện; các Ban QLR, Hạt Kiểm lâm, chính quyền địa phương và các đơn vị liên quan đã tích cực triển khai thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch đề ra. Tổng số cây xanh trồng trên toàn huyện là 456.915 cây/335.000 cây, đạt 136%, công tác giao khoán quản lý bảo vệ rừng từng bước đi vào nền nếp, phát huy trách nhiệm của người nhận khoán. Thông qua việc thực hiện chính sách này đã góp phần nâng cao thu nhập, cải thiện cuộc sống cho các hộ dân, nhất là các hộ đồng bào dân tộc thiểu số.

2. Những tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được; công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn huyện vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như:

- Công tác tuyên truyền các quy định về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, Luật Lâm nghiệp còn mang tính hình thức, chung chung, chưa sát với thực tế tại địa phương và tập quán của người đồng bào DTTS tại địa phương.

- Một số cấp ủy và chính quyền địa phương nhận thức chưa đầy đủ ý nghĩa, vai trò quan trọng của Chỉ thị 30-CT/TU, ngày 26/3/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Chỉ thị 13-CT/TW, ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng trong công tác quản lý bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng; chưa triển khai đồng bộ và triệt để các giải pháp thực hiện.

- Những năm qua, mặc dù trên địa bàn huyện đã cơ bản kiểm soát được tình hình các hộ dân di cư tự do vào huyện để sinh sống nhưng các hộ dân tộc miền núi phía Bắc di cư tự do vào các khu vực tiểu khu 179, 181, Tây Sơn xã Liêng Srôngh từ năm 2010 về trước chưa được bố trí định canh định cư đã gây áp lực không nhỏ cho công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng. Mặc dù tỷ lệ số vụ vi phạm trong công tác quản lý bảo vệ rừng được xử lý ngày càng nghiêm nhưng tình trạng khai thác gỗ, lấn rừng trái phép, cháy rừng... còn xuất hiện một số điểm nóng về khai thác rừng, vận chuyển lâm sản trái phép, nhất là những vùng giáp ranh của huyện với các khu vực xung quanh như huyện Lâm Hà, huyện Đắk Glong tỉnh Đắk Nông.

- Sự phối kết hợp giữa lực lượng chủ rừng, UBND xã, Hạt Kiểm lâm và các đơn vị liên quan đôi khi thiếu nhịp nhàng, chưa kịp thời, chặt chẽ. Các đơn vị chủ rừng thiếu kiên quyết trong công tác tuần tra truy quét, xử lý phòng chống phá rừng, tuyên truyền vận động dân di cư tự do trở về quê hoặc vào các khu tái định cư để ổn định cuộc sống.

IV. Phương hướng nhiệm vụ thời gian tới

1. Nhận định, dự báo tình hình

Những năm qua, công tác quản lý bảo vệ rừng nhận được nhiều sự quan tâm chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, số vụ vi phạm trong công tác quản lý bảo vệ rừng giảm qua các năm. Tuy nhiên, tình trạng phá rừng, lấn chiếm đất rừng trái pháp luật, khai thác rừng trái phép vẫn còn diễn biến phức tạp, còn phát sinh điểm nóng trong công tác quản lý bảo vệ rừng. Đặc biệt, giá trị canh tác trên đơn vị sản xuất ngày càng cao, lợi nhuận từ việc san nhượng đất lớn. Các diện tích đất lâm nghiệp bị lấn chiếm trước đây, người dân đã canh tác nông nghiệp ổn định, việc trồng xen cây lâm nghiệp để đảm bảo mật độ, sinh trưởng, phát triển là khó đạt theo yêu cầu nếu không có các biện pháp, chế tài, bắt buộc thực hiện. Các diện tích đất lâm nghiệp bị lấn chiếm đã tiến hành giải tỏa để trồng rừng và các diện tích được giao khoán để trồng rừng theo Nghị định 135, nghị định 30a khó đáp ứng theo các tiêu chí rừng trồng thành rừng theo quy định. Vì vậy độ che phủ rừng các năm tiếp theo sẽ tăng không nhiều, độ che phủ của rừng duy trì đạt trên 65%.

2. Những nhiệm vụ và giải pháp trong thời gian đến

Để tiếp tục triển khai thực hiện tốt Chỉ thị số 13-CT/TW, ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng; Chỉ thị 30-CT/TU, ngày 26/3/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch số 40-KH/HU, ngày 26/4/2017 của Ban Thường

vụ Huyện ủy “Thực hiện Chỉ thị 13-CT/TW, ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng *“Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng”* và Đề án 1836 trên địa bàn huyện. Trong thời gian tới, yêu cầu cấp ủy, chính quyền các cấp, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp sau:

2.1. Tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện tốt các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh và của huyện về công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng, tài nguyên khoáng sản, nhất là Chỉ thị số 13-CT/TW, ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; Chỉ thị số 30-CT/TU, ngày 26/3/2015 của Ban thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch số 40-KH/HU, ngày 26/4/2017 của Ban Thường vụ Huyện ủy.

Đồng thời, tập trung chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, các đơn vị chủ rừng quản lý, bảo vệ, phát triển và khai thác có hiệu quả, bền vững diện tích rừng và đất lâm nghiệp hiện có theo quy hoạch; trồng rừng trên 1.500 ha và trồng khôi phục rừng (Đề án 1836) theo hướng sản xuất nông - lâm kết hợp 3.000 ha; trồng đạt trên 4,4 triệu cây xanh, giữ vững và nâng tỷ lệ che phủ rừng toàn huyện đạt trên 65%. Đồng thời, chỉ đạo rà soát diện tích đất lâm nghiệp đang sản xuất nông nghiệp ổn định (chưa được đưa vào Đề án 1836) để chỉ đạo trồng cây đa mục tiêu nhằm khôi phục độ che phủ rừng.

2.2. Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết 06-NQ/HU, ngày 10/12/2021 của Huyện ủy *“Về tăng cường quản lý bảo vệ rừng, khai thác tiềm năng thế mạnh từ rừng; tài nguyên khoáng sản trên địa bàn huyện giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030”*. Tiếp tục tăng cường công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, tài nguyên khoáng sản; kiên quyết xử lý nghiêm, kịp thời các trường hợp vi phạm, như quan điểm *“không có vùng cấm, không có ngoại lệ”* đã xác định từ đầu nhiệm kỳ.

2.3. Lồng ghép các nguồn vốn đầu tư, hỗ trợ phát triển hạ tầng đường lâm nghiệp phục vụ trồng rừng sản xuất, khai thác rừng trồng; hỗ trợ nông hộ trồng rừng gỗ lớn, trồng khôi phục rừng; xây dựng và nhân rộng mô hình hiệu quả sản xuất nông lâm kết hợp (hoặc lâm - nông kết hợp: như trồng được liệu dưới tán rừng, lâm sản ngoài gỗ; trồng rừng, bảo vệ rừng gắn với nuôi cá nước lạnh...). Thu hút, hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình tham gia đầu tư trồng rừng sản xuất gỗ lớn, tạo vùng nguyên liệu tập trung gắn với chế biến lâm sản, nâng cao giá trị kinh tế từ rừng trồng. Tuyên truyền, vận động và thi đua thực hiện, hoàn thành kế hoạch trồng 4,4 triệu cây xanh để góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, tạo cảnh quan, bảo vệ môi trường sinh thái gắn với xây dựng nông thôn mới.

2.4. Nghiêm túc thực hiện đóng cửa rừng tự nhiên, dừng khai thác gỗ rừng tự nhiên theo Kết luận số 97-KL/TW, ngày 9/5/2014 của Bộ Chính trị; quản lý chặt chẽ diện tích rừng tự nhiên, không chuyển đổi mục đích sử dụng rừng tự nhiên

sang mục đích sử dụng khác. Kiên quyết đình chỉ, thu hồi đất đối với các dự án chuyển đổi mục đích sử dụng rừng có sai phạm hoặc gây thiệt hại đến tài nguyên rừng. Tăng cường kiểm tra, xử lý nghiêm việc khai thác lâm sản trái phép; rà soát lại, cụ thể quy hoạch 03 loại rừng, đánh giá lại, xác định rõ vị trí, diện tích, ranh giới lâm phần giữa các đơn vị chủ rừng quản lý, giữa các loại rừng, việc quản lý, sử dụng đất lâm nghiệp giữa quy hoạch và thực tế làm căn cứ cho việc quản lý, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành lâm nghiệp.

2.5. Chỉ đạo đẩy mạnh công tác tuần tra, kịp thời ngăn chặn và xử lý nghiêm các trường hợp mua, bán, vận chuyển lâm sản trái phép. Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động canh tác nương rẫy của người dân; hướng dẫn người dân sản xuất tuân thủ theo đúng quy định; có biện pháp hữu hiệu để ngăn chặn, xử lý kịp thời các hành vi xâm lấn rừng, phá rừng tự nhiên trái phép để làm nương rẫy.

2.6. Chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các quy hoạch, kế hoạch phát triển lâm nghiệp đã được phê duyệt. Nâng cao chất lượng rừng trồng; trồng rừng tập trung thâm canh theo hướng phát triển bền vững nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị sản phẩm rừng.

2.7. Chỉ đạo các đơn vị chủ rừng xây dựng kế hoạch, chủ động bố trí, tổ chức lực lượng ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật về lâm nghiệp trên diện tích rừng, đất lâm nghiệp được giao quản lý, cho thuê; phối hợp tốt với chính quyền địa phương, các ngành chức năng trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; có biện pháp quản lý bảo vệ, trồng rừng trên diện tích đất lâm nghiệp bị phá, lấn chiếm đã xử lý hoặc thu hồi, giải tỏa; phối hợp với chính quyền địa phương, Hạt kiểm lâm giám sát việc trồng lại rừng của đối tượng vi phạm. Nâng cao hiệu quả công tác giao khoán quản lý bảo vệ rừng, kiểm tra rừng trên diện tích rừng được nhận giao khoán có sự chỉ đạo, kiểm tra, giám sát của các đơn vị chủ rừng, Kiểm lâm địa bàn, Ban lâm nghiệp xã.

2.8. Tiếp tục củng cố, kiện toàn tổ chức, bộ máy quản lý Nhà nước, lực lượng bảo vệ rừng tại cơ sở. Nâng cao tinh thần trách nhiệm của đơn vị chủ rừng, chính quyền địa phương, lực lượng kiểm lâm trong thực hiện nhiệm vụ quản lý bảo vệ và phát triển rừng. Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nguồn cán bộ, kịp thời thay thế cán bộ có biểu hiện bao che, tiếp tay, thiếu trách nhiệm, không nhiệt huyết với nghề; tham mưu luân chuyển địa bàn công tác, tiểu khu quản lý đối với cán bộ, công chức, viên chức của các Ban quản lý rừng.

2.9. Nâng cao năng lực, hiệu quả thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm; tăng cường giám sát thực thi pháp luật trong công tác quản lý bảo vệ rừng, tài nguyên khoáng sản trên địa bàn huyện. Kiên quyết kiểm điểm, xử lý nghiêm chủ rừng, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm quản lý bảo vệ rừng và người đứng đầu thiếu trách nhiệm, không phát hiện ngăn chặn kịp thời, tổ chức ngăn ngừa hành vi phá rừng.

2.10. Tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án bố trí, sắp xếp ổn định dân di cư tự do trên địa bàn huyện nhằm sớm bố trí định canh, định cư, ổn định cuộc sống của các hộ di dân tự do trên địa bàn huyện trong giai đoạn 2021 - 2025 theo yêu cầu chỉ đạo.

Trên đây là báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị 13-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng gắn với tổng kết Chỉ thị 30-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy *“về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng”* trên địa bàn huyện Đam Rông.

Nơi nhận:

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy,
- Ủy ban nhân dân tỉnh,
- Văn phòng và các Ban của Tỉnh ủy,
- BCD thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững tỉnh Lâm Đồng,
- TT HU, HĐND&UBND huyện,
- Phòng NN& PTNT huyện,
- Hạt Kiểm lâm huyện,
- Các Ban QLRPH: Phi Liêng; Sêrêpôk,
- UBND các xã,
- Lưu: Văn phòng Huyện ủy

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ**

Nguyễn Văn Lộc



CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

Thực hiện Nghị quyết 09 - NQ/TU, ngày 14/12/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW, ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030”

Những năm qua, cấp ủy, chính quyền huyện Đam Rông đã có nhiều giải pháp nhằm huy động các nguồn lực thực hiện công tác an sinh xã hội đạt nhiều kết quả thiết thực, nhất là công tác giảm nghèo, tạo việc làm, chăm lo cho các đối tượng gia đình chính sách, người nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội; tạo điều kiện để nhân dân tiếp cận các dịch vụ xã hội thiết yếu như y tế, giáo dục, nhà ở; chăm lo các vấn đề xã hội, từng bước giảm bớt khó khăn, cải thiện đời sống vật chất tinh thần của nhân dân ở địa phương, góp phần giảm chênh lệch về mức sống, hưởng thụ văn hóa giữa các tầng lớp dân cư trên địa bàn huyện.

Bên cạnh những kết quả đạt được công tác giảm nghèo ở địa phương còn những tồn tại, hạn chế đó là: Công tác giảm nghèo chưa được bền vững, nguy cơ tái nghèo còn cao. Nhận thức và trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và nhân dân ở cơ sở trong thực hiện mục tiêu giảm nghèo còn hạn chế; công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện của một số cấp ủy, chính quyền địa phương cơ sở chưa thực quyết liệt; đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo chưa đáp ứng yêu cầu; một số chính sách, chương trình, dự án hỗ trợ giảm nghèo còn thấp, việc hỗ trợ còn mang tính bình quân. Việc lồng ghép giữa các chương trình, dự án giảm nghèo với các chương trình, dự án khác chưa phát huy hiệu quả. Mặt khác, một bộ phận người nghèo đồng bào dân tộc thiểu số còn tư tưởng trông chờ ỷ lại vào Nhà nước, sự hỗ trợ của chính quyền và cộng đồng, chưa chủ động vươn lên thoát nghèo.

Để quán triệt quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết số 09-NQ/TU, ngày 14/12/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030” ở địa phương. Ban Thường vụ Huyện ủy xây dựng chương trình hành động thực hiện cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bền vững đến năm 2030; hạn chế tái nghèo và phát sinh hộ nghèo mới; tạo sinh kế và tăng cường

khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản cho người nghèo, góp phần thu hẹp nhanh khoảng cách chênh lệch giữa các địa phương và nâng cao đời sống cho nhân dân; khơi dậy tinh thần tự lực và ý chí chủ động vươn lên thoát nghèo; tăng cường đầu tư kết cấu hạ tầng cho các xã nghèo, thôn nghèo, nhằm sớm thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn, thực hiện mục tiêu giảm nghèo đảm bảo hài hòa giữa phát triển kinh tế và an sinh xã hội, hoàn thành mục tiêu phát triển kinh tế- xã hội của huyện giai đoạn 2021-2030.

2. Mục tiêu cụ thể

- Hàng năm, giảm tỷ lệ hộ nghèo chung của huyện từ 2-2,3%, riêng tỷ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số giảm trên 3%/năm (*theo chuẩn nghèo đa chiều áp dụng giai đoạn 2021-2025*). Đến cuối năm 2025 tỷ lệ hộ nghèo của huyện còn dưới 6,5%. Đến cuối năm 2030 tỷ lệ hộ nghèo của huyện ngang với mặt bằng chung của tỉnh.

- Giảm tỷ lệ hộ tái nghèo, tái cận nghèo hàng năm xuống dưới 10% so với tổng số hộ nghèo, cận nghèo trong năm. Không còn hộ chính sách người có công là hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025.

- Hàng năm, đảm bảo 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo được tiếp cận các dịch vụ cơ bản, được vay vốn phát triển sản xuất kinh doanh và thụ hưởng đầy đủ, kịp thời các chính sách theo quy định.

- Hàng năm, phấn đấu 100% người nghèo trong độ tuổi lao động có nhu cầu học nghề được hỗ trợ đào tạo nghề, tập huấn và định hướng nghề nghiệp, được ưu tiên giới thiệu việc làm để có việc làm ổn định, tăng thu nhập.

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo và duy trì mức giảm nghèo hằng năm của huyện theo chuẩn nghèo áp dụng cho giai đoạn 2025-2030; tỷ lệ giảm hộ nghèo, cận nghèo hằng năm của huyện đảm bảo cao hơn so với tỷ lệ giảm nghèo, cận nghèo chung của cả tỉnh.

- Phấn đấu đến năm 2025 huyện không còn xã đặc biệt khó khăn.

II. LỘ TRÌNH GIẢM NGHÈO GIAI ĐOẠN VÀ HÀNG NĂM

1. Giai đoạn 2022 - 2025

1.1. Năm 2022

- Đến cuối năm 2022, tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 của huyện còn 12,5%, giảm 2,3% so với năm 2021 (năm 2021 là 14,8%).

- Tỷ lệ hộ nghèo ĐBDTTS giảm khoảng 3,99% còn 20% (năm 2021 chiếm 23,99%).

- Vận động mọi nguồn lực xã hội, đầu tư xây dựng từ 130 - 150 căn nhà kiên cố cho hộ nghèo.

- 100% hộ nghèo, cận nghèo được cấp thẻ BHYT.

- 100% hộ nghèo có nhu cầu và khả năng sản xuất kinh doanh được tiếp cận nguồn vốn vay ưu đãi để đầu tư sản xuất.

- Đào tạo nghề cho 200 lao động thuộc hộ nghèo, cận nghèo; giới thiệu, tìm kiếm việc làm cho ít nhất 300 lao động thiếu hụt việc làm thuộc hộ nghèo, cận nghèo.

1.2. Năm 2023

- Đến cuối năm 2023 tỷ lệ hộ nghèo của huyện còn 10,3%, giảm 2,2% so với năm 2022. Trong đó tỷ lệ hộ nghèo ĐBDTTS còn 16,5%, giảm 3,5% so với cuối năm.

- Huy động mọi nguồn lực xã hội, đầu tư xây dựng từ 150 -200 căn nhà kiên cố cho hộ nghèo, hộ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

- 100% hộ nghèo, cận nghèo được cấp thẻ BHYT.

- 100% hộ nghèo có nhu cầu và khả năng sản xuất kinh doanh được tiếp cận nguồn vốn vay ưu đãi để đầu tư sản xuất.

- Đào tạo nghề cho 250 lao động thuộc hộ nghèo, cận nghèo; giới thiệu, tìm kiếm việc làm cho ít nhất 300 lao động thiếu hụt việc làm thuộc hộ nghèo, cận nghèo.

1.3. Năm 2024

- Đến cuối năm 2024 tỷ lệ hộ nghèo của huyện còn 8,3%, giảm 2% so với cuối năm 2023. Trong đó tỷ lệ hộ nghèo ĐBDTTS còn 13%, giảm 3,5% so với cuối năm 2023.

- Hỗ trợ xây dựng từ 170-200 nhà ở kiên cố cho hộ nghèo.

- 100% hộ nghèo, cận nghèo được cấp thẻ BHYT.

- 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu và khả năng sản xuất kinh doanh được tiếp cận nguồn vốn vay ưu đãi để đầu tư sản xuất.

- Ưu tiên hỗ trợ đào tạo nghề, giới thiệu việc làm cho 100% thành viên hộ nghèo có nhu cầu học nghề, tìm kiếm việc làm.

1.4. Năm 2025

- Phân đấu đến cuối năm 2025 tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn huyện còn 6,5%. Trong đó tỷ lệ hộ nghèo ĐBDTTS giảm còn dưới 10%.

- Hỗ trợ xây dựng từ 180 -220 nhà ở kiên cố cho hộ nghèo. Cơ bản hoàn thành xóa nhà ở dột nát trên địa bàn huyện.

- 100% hộ nghèo, cận nghèo được cấp thẻ BHYT.

- 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu và khả năng sản xuất kinh doanh được tiếp cận nguồn vốn vay ưu đãi để đầu tư sản xuất.

- Giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt và chuyển đổi nghề cho hộ nghèo trên địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn.

- Cơ bản 95% người lao động thuộc hộ nghèo, cận nghèo rà soát cuối năm 2021 được đào tạo nghề, 100% người trong độ tuổi lao động thuộc hộ nghèo, cận nghèo được tiếp cận thông tin, giới thiệu việc làm khi có nhu cầu.

2. Giai đoạn 2025 - 2030

Căn cứ chuẩn nghèo của giai đoạn 2025-2030, tiếp tục duy trì mức giảm nghèo hàng năm của huyện, đảm bảo mức giảm tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo hàng năm cao hơn mức giảm trung bình của tỉnh. Phấn đấu đến cuối năm 2030 tỷ lệ hộ nghèo của huyện ngang với mặt bằng chung của tỉnh.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành thực hiện công tác giảm nghèo bền vững

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của các cấp ủy, chính quyền, sự phối hợp thực hiện của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, phát huy vai trò của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trong triển khai thực hiện công tác giảm nghèo bền vững.

Căn cứ mục tiêu, lộ trình giảm nghèo của Chương trình, các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể hàng năm và giai đoạn, phù hợp với tình hình thực tiễn và chức năng, nhiệm vụ thực hiện công tác giảm nghèo bền vững; xác định giảm nghèo bền vững là chủ trương nhất quán của Đảng, Nhà nước, là nhiệm vụ chính trị quan trọng, thường xuyên, lâu dài của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, góp phần thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội tăng cường hoạt động giám sát và vai trò phản biện xã hội trong công tác giảm nghèo bền vững và thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội; tiếp tục phát động các phong trào, cuộc vận động, huy động nguồn lực, sự tham gia hưởng ứng của hội viên, đoàn viên và các tầng lớp nhân dân trong công tác giảm nghèo bền vững.

2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động thực hiện công tác giảm nghèo bền vững

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu trong công tác giảm nghèo bền vững với phương pháp và cách làm phù hợp, tạo sự đồng thuận, chung tay vì người nghèo của cả hệ thống chính trị và nhân dân trong triển khai thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2030. Thực hiện hiệu quả, chất lượng phong trào thi đua “ Cả nước chung tay vì người nghèo – không để ai bỏ lại phía sau”.

Phát huy vai trò Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan thông tấn báo chí, nhất là vai trò người có uy tín ở cộng đồng trong công tác tuyên truyền vận động nhằm thay đổi nhận thức của người dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số, thực hiện chủ trương thoát nghèo bền vững, khơi dậy ý chí

chủ động, vươn lên của người nghèo, không trông chờ ỷ lại vào sự giúp đỡ của nhà nước và xã hội; giúp cho hộ nghèo nhận thức được trách nhiệm thoát nghèo là trách nhiệm chính của bản thân, gia đình, Nhà nước và xã hội chỉ hỗ trợ một phần các điều kiện cần thiết để thực hiện kế hoạch thoát nghèo bền vững.

3. Tăng cường công tác quản lý nhà nước, hoàn thiện tổ chức bộ máy và cơ chế điều hành; thực hiện tốt công tác rà soát hộ nghèo, cận nghèo

Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ đạo giảm nghèo bền vững các cấp, ban hành quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ, địa bàn phụ trách cụ thể để chỉ đạo, điều hành công tác giảm nghèo bền vững của địa phương; tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy, cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp đảm bảo thống nhất, đủ trình độ năng lực, hoạt động chuyên nghiệp, tham mưu thực hiện hiệu quả công tác giảm nghèo bền vững.

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện phân cấp về nguồn lực, về tổ chức thực hiện cho cấp cơ sở để chủ động tổ chức thực hiện, cấp tỉnh và cấp huyện chỉ phân bổ, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình, kết quả thực hiện.

Thực hiện tốt công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và giai đoạn 2021 - 2025 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều của Chính phủ; xây dựng đội ngũ điều tra viên chất lượng để tổ chức thực hiện công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo đảm bảo kết quả chính xác, đúng thực trạng; thực hiện quản lý hồ sơ hộ nghèo, hộ cận nghèo hợp lý, khoa học làm cơ sở đề xuất giải pháp hỗ trợ phù hợp từng nhóm hộ nghèo, từng khu vực; có biện pháp kiên quyết đối với các hộ còn tư tưởng trông chờ thụ hưởng chính sách. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện công khai, minh bạch, dân chủ trong công tác giảm nghèo bền vững.

4. Vận dụng linh hoạt, phát huy tối đa hiệu quả cơ chế, chính sách hỗ trợ giảm nghèo bền vững

Thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 với các giải pháp phù hợp để cải thiện tiêu chí thu nhập và tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản, đáp ứng yêu cầu chuẩn nghèo đa chiều gắn với mục tiêu phát triển bền vững, bảo đảm mức sống tối thiểu tăng dần và khả năng tiếp cận các dịch vụ cơ bản của người dân theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025 được Chính phủ ban hành tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP, ngày 27/01/2021.

Tăng nguồn vốn ngân sách nhà nước ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội. Vận dụng cơ chế, chính sách tín dụng ưu đãi phù hợp với nhu cầu, khả năng của các đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các đối tượng chính sách khác để phục vụ phát triển sản xuất, giải quyết việc làm, cải thiện các dịch vụ xã hội cơ bản gắn với tổ chức các lớp tập huấn, hướng dẫn cách làm ăn, khuyến nông, khuyến công, chuyển giao khoa học, kỹ thuật trước khi giải ngân vốn.

Dựa trên cơ sở quy định pháp luật và tình hình thực tế, đánh giá và xem xét hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất cho hộ nghèo phù hợp với từng vùng, địa bàn, đối tượng; thực hiện chính sách phát triển kinh tế - xã hội liên vùng, tăng

cường kết nối vùng đã phát triển với vùng còn khó khăn gắn với đảm bảo quốc phòng - an ninh. Có chính sách hỗ trợ hộ đăng ký thoát nghèo bền vững, đảm bảo mỗi hộ nghèo, hộ cận nghèo khi đăng ký thoát nghèo đều được hỗ trợ kinh phí phù hợp với từng địa bàn, đối tượng và lĩnh vực hỗ trợ, gắn với điều kiện ràng buộc cụ thể.

Thực hiện chính sách hỗ trợ đầu tư hạ tầng phục vụ sản xuất, dân sinh cho các xã nghèo, thôn nghèo theo hướng tăng định mức hỗ trợ, đa dạng nội dung, lĩnh vực thực hiện và tăng thời gian thực hiện; ưu tiên đầu tư các dự án, công trình phát huy hiệu quả nhanh như: Giao thông, thủy lợi, quy hoạch, sắp xếp dân cư,... gắn với phát triển sản xuất, tiếp cận thuận lợi dịch vụ xã hội cơ bản, nhất là y tế, việc làm, giáo dục và nhà ở.

Tiếp tục nghiên cứu, ban hành chính sách khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã liên kết trong sản xuất, kinh doanh; cải thiện thu hút đầu tư đối với doanh nghiệp, tăng cường liên kết và bao tiêu sản phẩm, hỗ trợ phát triển mô hình sản xuất có sự tham gia của hộ nghèo, hộ cận nghèo, hỗ trợ phát triển các mô hình sản xuất, kinh doanh phù hợp với người nghèo.

5. Huy động tối đa mọi nguồn lực gắn với triển khai thực hiện đồng bộ, kịp thời, hiệu quả các chương trình, dự án, chính sách giảm nghèo

Các cấp, các ngành, địa phương xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện công tác giảm nghèo bền vững cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao và điều kiện thực tiễn gắn với thực hiện quy chế dân chủ, tăng cường phân cấp cho cơ sở để chủ động lập kế hoạch, quản lý điều hành và tổ chức triển khai thực hiện.

Huy động đa dạng hóa các nguồn lực nhằm thực hiện hiệu quả các chương trình, chính sách giảm nghèo, khuyến khích thoát nghèo bền vững. Tiếp tục thực hiện các phong trào, cuộc vận động giúp đỡ hộ nghèo, hội viên nghèo do các cấp, ngành, các hội, đoàn thể, các nhà hảo tâm, các tổ chức thiện nguyện trong xã hội phát động; nâng cao hiệu quả công tác kết nghĩa, đỡ đầu giúp huyện nghèo, xã nghèo, thôn nghèo.

Triển khai thực hiện đồng bộ, kịp thời, hiệu quả các chương trình, dự án, chính sách giảm nghèo gắn với lồng ghép các chương trình, dự án khác triển khai trên địa bàn, đặc biệt ưu tiên nguồn lực thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo hướng tích hợp với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2030; đẩy mạnh huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực xã hội hóa cho công tác giảm nghèo; tập trung phát triển sản xuất, đào tạo nghề, giải quyết việc làm; đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở các xã đặc biệt khó khăn.

Thực hiện kịp thời, đúng, đủ các chính sách an sinh xã hội như: Chính sách về tín dụng ưu đãi, chính sách miễn giảm học phí, chính sách cho các đối tượng Bảo trợ xã hội, chính sách cho người có công, chính sách cho đồng bào

dân tộc thiểu số; mở rộng sự tham gia hỗ trợ của cộng đồng nhằm khai thác tiềm năng, lợi thế, tạo điều kiện việc làm, tăng thu nhập tại chỗ cho người dân.

6. Xây dựng, nhân rộng các mô hình giảm nghèo hiệu quả, nâng cao thu nhập cho hộ nghèo, hộ cận nghèo

Thường xuyên rà soát, đánh giá các mô hình giảm nghèo bền vững để kịp thời nhân rộng các cách làm hay, mô hình hiệu quả; phát huy sáng kiến giảm nghèo dựa vào cộng đồng. Chú trọng các mô hình liên kết theo chuỗi giá trị, nhất là mô hình sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông, lâm, thủy sản; những mô hình giải quyết việc làm tại chỗ, khai thác tiềm năng, thế mạnh của mỗi vùng, địa phương...

Thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ, phát triển các mô hình hợp tác xã, tổ hợp tác, nhóm hộ dành cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; khuyến khích các cá nhân, hộ gia đình làm ăn giỏi, có uy tín trong cộng đồng tham gia để giúp đỡ, hướng dẫn cho người nghèo, hộ nghèo học tập, làm theo từ các mô hình sản xuất, sinh kế hiệu quả; hỗ trợ phát triển các mô hình liên kết chuỗi giá trị trong chăn nuôi gia súc, gia cầm, trồng cây ăn quả, dược liệu,... phù hợp với điều kiện tự nhiên, văn hóa, xã hội ở từng địa phương.

Hỗ trợ mô hình phát triển nông, lâm nghiệp gắn với bảo vệ rừng để tạo thu nhập ổn định cho người dân như: Hỗ trợ giao khoán chăm sóc, bảo vệ rừng; hỗ trợ khoanh nuôi tái sinh rừng; hỗ trợ trồng rừng sản xuất; hỗ trợ phát triển lâm sản ngoài gỗ như: Mây, tre nứa, cây dược liệu,... để sản xuất các sản phẩm tạo ra các chuỗi giá trị. Quy hoạch, hình thành các vùng nguyên liệu đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của địa phương, sản phẩm có tính hàng hóa, cạnh tranh phù hợp với từng vùng, miền.

7. Tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính trong thực thi công vụ; tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng, ứng dụng công nghệ thông tin; kiểm tra, giám sát, đánh giá công tác giảm nghèo bền vững

Trong quá trình thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững, phải tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính để nâng cao trách nhiệm thực thi công vụ của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức gắn với cải cách thủ tục hành chính; chú trọng công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy, chính quyền các cấp và người dân trong việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước về giảm nghèo bền vững.

Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ, theo dõi và thực hiện công tác giảm nghèo các cấp, nhất là cán bộ ở cấp xã; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện công tác giảm nghèo bền vững theo hướng dân chủ, công khai, minh bạch. Phân công cụ thể cơ quan, đơn vị, cán bộ, đảng viên theo dõi, phụ trách để chỉ đạo, hướng dẫn, giúp đỡ cơ sở, địa bàn; kịp thời sơ kết, tổng kết đánh giá tình hình, kết quả thực hiện; biểu dương, khen thưởng, động viên cá nhân, tập thể điển hình, gương mẫu trong thực hiện công tác giảm nghèo bền vững.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy đảng, chính quyền, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội triển khai, quán triệt Chương trình này đến cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và toàn thể nhân dân; xây dựng kế hoạch cụ thể, phù hợp với tình hình thực tế để thực hiện.

2. Hội đồng nhân dân huyện xem xét, phê duyệt chủ trương đầu tư thực hiện chương trình giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030, đảm bảo nguồn lực thực hiện và giám sát việc thực hiện.

3. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể huyện đẩy mạnh công tác vận động các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia công tác giảm nghèo bền vững và chủ động giám sát công tác này. Tiếp tục tổ chức các cuộc vận động xã hội, phong trào thi đua yêu nước, trọng tâm là cuộc vận động “*Vì người nghèo*”, cùng với chính quyền địa phương thực hiện tốt công tác giảm nghèo bền vững.

4. Ban Tuyên giáo Huyện ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức tuyên truyền việc triển khai thực hiện Nghị quyết 09-NQ/TU và Chương trình hành động của Huyện ủy nhằm tạo sự đồng thuận, ủng hộ trong nhân dân, góp phần tạo sự chuyển biến mới trong giảm nghèo bền vững.

5. UBND huyện xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình; rà soát hoàn thiện các chính sách về giảm nghèo bền vững và thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, định kỳ sơ, tổng kết, báo cáo Ban Thường vụ Huyện ủy kết quả thực hiện Chương trình này.

Chương trình này được quán triệt, phổ biến đến chi bộ.

Nơi nhận:

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy,
- Các Ban và Văn phòng Tỉnh ủy,
- Thường trực Huyện ủy, HĐND, UBND huyện,
- Các Ban và Văn phòng Huyện ủy,
- MTTQ và các đoàn thể huyện,
- Các tổ chức cơ sở Đảng trực thuộc Huyện ủy,
- Các đồng chí Huyện ủy viên,
- Lưu Văn phòng Huyện ủy.

TM. BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ

Nguyễn Văn Lộc